TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08/10/2019
"*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân;

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Thịnh và bà Võ Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: bà Dương Thị Thu Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lý Văn Th, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn N, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn N, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lý Văn Th trình bày:

Anh Th và chị Trần Thị Th đến và chung sống với nhau từ năm 2011 khi đến chung sống với nhau chúng tôi hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T, huyện T Đ theo số 03/2011 quyển số 01/2010; Trong thời gian chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến tháng 7 năm 2018 thì giữa anh Th và chị Th xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau ngày càng trầm trọng và đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Chúng tôi có 04 con chung, cháu Lý Thị Thanh Tr, sinh ngày 29/7/2011, cháu Lý Thành Đ, sinh ngày 12/8/2014, cháu Lý Thế Th và cháu Lý Thành D, sinh ngày 12/3/2017. Hiện nay các cháu đang ở với tôi. Nếu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với chị Th thì tôi xin là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

Nợ chung và tài sản chung: không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí tôi xin chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của bị đơn chị Trần Thị Th trong quá trình giải quyết vụ án cụ thể như sau: Chị Th và anh Th đến chung sống với nhau từ năm 2011 và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T. Trong quá trình chung sống thì tình cảm vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2017 thì hai vợ chồng phát dinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Nay anh Th làm đơn xin ly hôn chị Th đồng ý ly hôn theo nội dung đơn của anh Th và đồng ý giao 04 con chung cho anh Th là người trực tiếp, nuôi dưỡng. chăm sóc, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành. Và chị Th Có đơn xin vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử và giữ nguyên phấn trình bày.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Trần Thị Th và xin nuôi các con chung đến tuổi trưởng thành. Bị đơn chị Trần Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn theo nội dung đơn của anh Th và đồng ý giao các con chung cho anh Th là người nuôi dưỡng các cháu;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu càu khởi kiện của nguyên đơn cho anh Lý Văn Th được ly hôn với chị Trần Thị Th; giao cac con chung cho anh Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao dục, trông nom các con chung cho đến tuổi trưởng thành là có căn cứ. Áp dụng nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện

kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện Toà án đã triệu tập các đương sự trong vụ án lên Tòa án giải quyết nhưng phía bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải và xét xử; bị đơn có đơn xin vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được nên Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng (bị đơn có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án); Bị đơn chị Trần Thị Th; địa chỉ: Thôn N, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của Lý Văn Th trình bày: anh Th và chị Th đến chung sống với nhau từ năm 2011 đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T, huyện T Đ theo số 03/2011 ngày 11/3/2011 và giấy khai sinh các con chung. Do mâu thuẫn gia đình và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị Th.

* Nhận định của hội đồng xét xử như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Th và chị Th đến chung sống với nhau từ năm 2011 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T theo số 03/2011 ngày 11/3/2011 là có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Lý Văn Th và chị Trần Thị Th là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Qúa trình chung sống giữa anh Th và chị Th đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm, cãi vã nhau thường xuyên, vợ chồng không tìm ra được tiếng nói chung nên đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay. Điều này cho thấy: "Tình trạng hôn nhân giữa anh Th và chị Th là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được" nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Th là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lý Văn Th.

[3] Về con chung: Trong thời gian anh Th và chị Th chung sống với nhau có 04 con chung: cháu Lý Thị Thanh Tr, sinh ngày 29/7/2011, cháu Lý Thành Đ, sinh ngày 12/8/2014, cháu Lý Thế Th và cháu Lý Thành D, sinh ngày 12/3/2017. Sau khi ly hôn anh Th xin là trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). cháu T cũng có nguyện vọng là được ở với anh Th nếu Tòa án giải quyết cho anh Th và chị Th ly hôn; Hiện tại các cháu đang ở với anh Th; anh Th làm nghề lái xe có thu nhập ổn định, đảm bảo việc

chăm lo các cháu đến tuổi trưởng thành; Chị Th cũng đồng ý giao các con chung cho anh Th là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu nên HĐXX cần giao con chung giữa anh Th và chi Th cho anh Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom cháu cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[4] Còn về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lý Văn Th không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự trình bày không nợ nần gì ai và tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]Về án phí: anh Lý Văn Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 227; Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56,81,82,83,84 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Văn Th.

Anh Lý Văn Th được ly hôn với chị Trần Thị Th

Giấy chứng nhận kết hôn số số 03/2011 ngày 11/3/2011do Ủy ban nhân dân xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao các cháu Lý Thị Thanh Tr, sinh ngày 29/7/2011; cháu Lý Thành Đ, sinh ngày 12/8/2014; cháu Lý Thế Th và cháu Lý Thành D, sinh ngày 12/3/2017 cho anh Lý Văn Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành(Đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con chung mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). anh Lý Văn Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*

được khấu trừ vào số tiền anh Th đã nộp theo biên lai số 0001583 ngày 16 tháng 07 năm 2019 tại Chị cục thi hành án dân sự huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận**:*
- *TAND tỉnh;*
- VKSND huyện;
- THA huyện T Đ
- UBND xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân